

Biên soạn: **TS. Phạm Văn Búa** (Chủ biên)
ThS. Nguyễn Thị Kim Chi - ThS. Nguyễn Xuân Hương
ThS. Lê Thị Thúy Hương

GIÁO TRÌNH **CHUYÊN ĐỀ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH**



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC CẦN THƠ
2022

**BIÊN MỤC TRƯỚC XUẤT BẢN THỰC HIỆN BỞI
TRUNG TÂM HỌC LIỆU TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ**

Phạm, Văn Búa

Giáo trình chuyên đề tư tưởng Hồ Chí Minh / Phạm Văn Búa (Chủ biên), Nguyễn Thị Kim Chi, Nguyễn Xuân Hương, Lê Thị Thúy Hương.- Cần Thơ: Nxb. Đại học Cần Thơ, 2022.

206 tr. : minh họa ; 24 cm.

Sách có danh mục tài liệu tham khảo

ISBN: 9786049659232

1. Hồ Chí Minh--Influence 2. Tư tưởng Hồ Chí Minh. 3. Lý luận chính trị

I. Nhan đề. II. Nguyễn, Thị Kim Chi. III. Nguyễn, Xuân Hương. IV. Lê, Thị Thúy Hương

335.4346-- DDC 23

MFN 244716

B501

LỜI GIỚI THIỆU

Nhằm góp phần làm phong phú nguồn tư liệu phục vụ nghiên cứu, học tập cho bạn đọc, sinh viên, học viên và nghiên cứu sinh Khoa khoa học Chính trị. Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ ân hành và giới thiệu cùng bạn đọc giáo trình “Chuyên đề Tư tưởng Hồ Chí Minh” do TS. Phạm Văn Búa (chủ biên); ThS. Nguyễn Thị Kim Chi; ThS. Nguyễn Xuân Hương; ThS. Lê Thị Thuý Hương biên soạn.

Giáo trình gồm 6 chương, nội dung giới thiệu nguồn gốc hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh, Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân vận; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức; Tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo; Tư tưởng Hồ Chí Minh về ngoại giao; Phương pháp và phong cách Hồ Chí Minh.

Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ chân thành cảm ơn các tác giả và sự đóng góp ý kiến của quý thầy cô trong Hội đồng thẩm định Trường Đại học Cần Thơ để giáo trình “Chuyên đề Tư tưởng Hồ Chí Minh” được ra mắt bạn đọc.

Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ trân trọng giới thiệu đến học viên, sinh viên, giảng viên và bạn đọc giáo trình này.

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC CẦN THƠ

LỜI NÓI ĐẦU

Chuyên đề tư tưởng Hồ Chí Minh là chuyên đề chuyên sâu, trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức sâu rộng hơn về kiến chuyên ngành. Giáo trình gồm 6 chương gắn với nhu cầu thực tiễn, nghiên cứu, học tập của sinh viên ngành Giáo dục công dân cho hiện tại cũng như trong công tác sau này, như: Nguồn gốc hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân vận; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức; Tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo; Tư tưởng Hồ Chí Minh về ngoại giao; Phương pháp và phong cách Hồ Chí Minh.

Giáo trình này giúp sinh viên ngành Giáo dục công dân có cái nhìn khái quát, toàn diện hơn về tư tưởng Hồ Chí Minh. Từ đó sinh viên có thể vận dụng kiến thức chuyên đề vào chương trình giảng dạy cũng như các nhiệm vụ nghề nghiệp khác sau này.

Để biên soạn giáo trình này, chúng tôi đã tham khảo, trao đổi ý kiến và được sự tư vấn của nhiều nhà nghiên cứu, các giảng viên chuyên ngành của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Học viện Báo Chí Tuyên truyền, Học viện Chính trị khu vực IV, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh. Đồng thời, trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin, quan điểm của Đảng, nhóm tác giả đã kế thừa các tài liệu chuyên sâu, các giáo trình chuyên ngành khác về tư tưởng Hồ Chí Minh.

Tuy nhiên, giáo trình không tránh khỏi sai sót, nhóm tác giả rất mong nhận được những góp ý của quý thầy cô, các nhà khoa học, sinh viên, xin chân thành cảm ơn.

NHÓM TÁC GIẢ

MỤC LỤC

Chương 1. NGUỒN GỐC HÌNH THÀNH TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH	1
1.1 ĐIỀU KIỆN LỊCH SỬ - XÃ HỘI HÌNH THÀNH TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH	1
1.1.1 Xã hội Việt Nam thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX	1
1.1.2 Hoàn cảnh quê hương, gia đình	3
1.1.3 Thời đại	9
1.2 CÁC NGUỒN GỐC CƠ BẢN GÓP PHẦN HÌNH THÀNH TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH	10
1.2.1 Tư tưởng và truyền thống văn hóa dân tộc	10
1.2.2 Tinh hoa văn hóa nhân loại	13
1.2.3 Chủ nghĩa Mác - Lênin	21
1.2.4 Nhân tố chủ quan	23
CÂU HỎI ÔN TẬP	28
Chương 2. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ DÂN VẬN	29
2.1 CƠ SỞ HÌNH THÀNH TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ DÂN VẬN	29
2.1.1 Quan niệm về dân vận	29
2.1.2 Cơ sở lý luận	33
2.1.3 Cơ sở thực tiễn	41
2.2 QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ DÂN VẬN	43
2.2.1 Giai đoạn 1890 - 1920: Tham gia hoạt động yêu nước và hình thành tư tưởng yêu nước, tư tưởng dân vận	43
2.2.2 Giai đoạn 1921 – 1930: Hình thành cơ bản tư tưởng Hồ chí Minh về cách mạng Việt Nam và tư tưởng dân vận	45
2.2.3 Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân vận thời kỳ 1930-1945: Vượt qua thử thách, kiên trì giữ vững lập trường cách mạng	49
2.2.4 Thời kỳ năm 1945-1969: Phát triển toàn diện tư tưởng Hồ Chí Minh về dân vận	52
2.3 NỘI DUNG TƯ TƯỞNG DÂN VẬN HỒ CHÍ MINH	55
2.3.1 Tư tưởng Hồ Chí Minh về vị trí vai trò của công tác dân vận	55
2.3.2 Tư tưởng Hồ Chí Minh về phương thức chỉ đạo công tác dân vận	58
2.3.3 Tư tưởng về lực lượng chỉ đạo công tác dân vận	66
2.3.4 Tư tưởng về tư cách của người làm công tác dân vận	70
2.4 GIÁ TRỊ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ DÂN VẬN ĐỐI VỚI CÁCH MẠNG VIỆT NAM	73

2.4.1	Giá trị lý luận	73
2.4.2	Giá trị thực tiễn	74
	CÂU HỎI ÔN TẬP	75
	Chương 3. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠO ĐỨC	76
3.1	CƠ SỞ HÌNH THÀNH TƯ TƯỞNG ĐẠO ĐỨC HỒ CHÍ MINH	76
3.1.1	Từ đạo đức truyền thống của dân tộc	76
3.1.2	Tiếp thu tư tưởng đạo đức Phương Đông và Phương Tây	78
3.1.3	Tiếp thu Chủ nghĩa Mác-Lênin về đạo đức	83
3.2	NỘI DUNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠO ĐỨC	85
3.2.1	Tư tưởng Hồ Chí Minh về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của đạo đức	85
3.2.2	Các chuẩn mực đạo đức cơ bản của con người Việt Nam trong thời đại mới	89
3.3	NHỮNG NGUYÊN TẮC XÂY DỰNG ĐẠO ĐỨC	99
3.3.1	Nói đi đôi với làm	99
3.3.2	Xây đi đôi với chống	104
3.3.3	Tu dưỡng đạo đức suốt đời	107
3.4	GIÁ TRỊ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠO ĐỨC	108
3.4.1	Giá trị lý luận	108
3.4.2	Giá trị thực tiễn	110
	CÂU HỎI ÔN TẬP	112
	Chương 4. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ TÔN GIÁO	113
4.1	MỘT SỐ QUAN ĐIỂM CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỀ TÔN GIÁO	113
4.1.1	Khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo	113
4.1.2	Cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo	113
4.1.3	Những quan điểm của Hồ Chí Minh về tôn giáo	117
4.2	QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VỀ TÔN GIÁO VÀ CÔNG TÁC TÔN GIÁO HIỆN NAY	134
4.2.1	Đặc điểm tôn giáo ở Việt Nam	134
4.2.2	Khái quát tình hình tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam hiện nay	136
4.2.3	Quan điểm chỉ đạo cơ bản của Đảng Cộng sản Việt Nam về công tác tôn giáo hiện nay	137
4.3	Ý NGHĨA CỦA VIỆC NGHIÊN CỨU TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ TÔN GIÁO	139
	CÂU HỎI ÔN TẬP	142

Chương 5. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ NGOẠI GIAO	143
5.1 NGUỒN GỐC HÌNH THÀNH TƯ TƯỞNG NGOẠI GIAO HỒ CHÍ MINH	144
5.1.1 Nguồn gốc khách quan	144
5.1.2 Nhân tố chủ quan	149
5.2 NHỮNG NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA TƯ TƯỞNG NGOẠI GIAO HỒ CHÍ MINH	150
5.2.1 Giữ vững đường lối ngoại giao độc lập, tự chủ	150
5.2.2 Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại	151
5.2.3 Phát huy truyền thống hòa hiếu của dân tộc, gương cao ngạo cờ độc lập và hòa bình, sẵn sàng làm bạn với tất cả các nước dân chủ	152
5.2.4 Ngoại giao là một mặt trận	152
5.2.5 Xử lý đúng đắn, mối quan hệ với các nước lớn, không để ảnh hưởng đến quan hệ với các nước khác, ưu tiên mối quan hệ láng giềng	153
5.3 VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG NGOẠI GIAO HỒ CHÍ MINH TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY	155
5.4 GIÁ TRỊ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ NGOẠI GIAO	160
5.4.1 Giá trị lý luận	160
5.4.2 Giá trị thực tiễn	161
CÂU HỎI ÔN TẬP	162
Chương 6. PHƯƠNG PHÁP VÀ PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH	163
6.1 PHƯƠNG PHÁP HỒ CHÍ MINH	163
6.1.1 Phương pháp và phương pháp cách mạng Hồ Chí Minh	163
6.1.2 Hệ thống phương pháp cách mạng Hồ Chí Minh	166
6.2 PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH	173
6.2.1 Nhận thức chung về phong cách và phong cách Hồ Chí Minh	173
6.2.2 Hệ thống phong cách Hồ Chí Minh	176
6.3 HỌC TẬP, VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP VÀ PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH TRONG SỰ NGHIỆP ĐỔI MỚI	187
6.3.1 Cần có sự thống nhất giữa tư tưởng và hành động	188
6.3.2 Đi sâu, đi sát thực tế, dựa vào quần chúng	189
6.3.3 Thực hành dân chủ rộng rãi	190
CÂU HỎI ÔN TẬP	190
TÀI LIỆU THAM KHẢO	191

Chương 1

NGUỒN GỐC HÌNH THÀNH TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1.1 ĐIỀU KIỆN LỊCH SỬ - XÃ HỘI HÌNH THÀNH TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1.1.1 Xã hội Việt Nam thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX

Đầu thế kỉ XIX đến trước khi thực dân Pháp xâm lược nước ta, xã hội Việt Nam vẫn là xã hội phong kiến độc lập. Tuy nhiên, chế độ phong kiến Việt Nam đã trở nên lỗi thời và lạc hậu, nhất là về chính trị. Nhà Nguyễn đã thực hiện chính sách đối nội và đối ngoại rất cực đoan. Bên trong thì đàn áp bóc lột nhân dân hết sức nặng nề qua lời ca thán:

*“Vạn Niên là Vạn niên nào còn.
Thành xây xương lính, hào đào máu dân”.*

Về đối ngoại, Nhà Nguyễn đã thực hiện chính sách “bế quan tỏa cảng”. Bên cạnh đó triều đình còn cự tuyệt mọi đề án cải cách về văn hóa xã hội. Vì vậy, Nhà Nguyễn đã không huy động được nguồn nội lực và ngoại lực cho sự phát triển của đất nước.

Năm 1858, Thực dân Pháp xâm lược nước ta. Triều đình phong kiến đã thỏa hiệp, bạc nhược, từ chủ chiến sang chủ hòa. Đến năm 1884 với Hiệp ước Patenôtre nước ta hoàn toàn rơi vào tay Pháp.

Sau khi đã hoàn thành việc xâm lược, áp đặt bộ máy cai trị, thực dân Pháp đã thực hiện chính sách độc quyền về kinh tế, chuyên chế về chính trị, nô dịch về văn hóa.

Về chính trị, thực dân Pháp thực hiện chính sách chuyên chế, mọi quyền hành đều nằm trong tay Pháp, vua quan phong kiến nhà Nguyễn chỉ là bù nhìn. Chúng dùng chính sách: chia để trị, thủ tiêu mọi quyền tự do, dân chủ; thẳng tay đàn áp và khủng bố khốc liệt các tư tưởng, hoạt động yêu nước làm cho dân tộc Việt Nam lâm vào cảnh ngột ngạt về chính trị.

Về kinh tế, chúng tiến hành chương trình khai thác thuộc địa đại quy mô nhằm khai thác tài nguyên, bóc lột nhân công, cướp ruộng đất của nhân dân, biến Việt Nam và Đông Dương thành thị trường độc quyền của Pháp.

Về văn hóa - xã hội, thực dân Pháp thi hành chính sách ngu dân lập nhiều nhà tù hơn trường học và bệnh viện. Đầu độc thanh niên bằng rượu, thuốc phiện; mị dân, tuyên truyền xuyên tạc lịch sử văn hóa Việt Nam. Tuyên truyền văn hóa thực dân vong bản nhằm thủ tiêu tinh thần yêu nước và nền văn hóa của dân tộc ta. Việt Nam từ xã hội phong kiến độc lập đã trở thành

xã hội thuộc địa, nửa phong kiến. Dân tộc Việt Nam bị mất tự do, kinh tế không phát triển, đời sống vô cùng cực khổ.

Chính sách trên đã làm cho tình hình kinh tế, xã hội và giai cấp ở Việt Nam biến đổi sâu sắc.

Từ khi thực dân Pháp xâm lược nước ta, lịch sử đã chứng kiến hàng trăm cuộc đấu tranh kiên cường, bất khuất của dân tộc. Nhưng tất cả đều bị thất bại. Các cuộc đấu tranh ấy diễn ra theo hai khuynh hướng: phong kiến và tư sản.

Khuynh hướng phong kiến: tiêu biểu là phong trào Cần Vương của vua Hàm Nghi (1885 -1896) cùng với những cuộc đấu tranh do Trương Định, Phan Đình Phùng, Nguyễn Xuân Ôn, Nguyễn Thiện Thuật, Nguyễn Quang Bích, Hoàng Hoa Thám... thể hiện tinh thần yêu nước chống ngoại xâm của nhân dân ta. Tuy thất bại nhưng phong trào Cần Vương thể hiện tinh thần yêu nước quật cường của nhân dân ta không chịu làm nô lệ. Điều đó chứng tỏ ở thời điểm lịch sử này, cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc muốn thắng lợi, chỉ dựa vào lòng yêu nước chưa đủ, mà cần có một đường lối rõ ràng, một phương pháp khoa học. Hơn nữa, cuộc đấu tranh này đang dựa trên hệ tư tưởng phong kiến thì khó thành công.

Khuynh hướng tư sản: Từ đầu thế kỷ XX, trào lưu dân chủ tư sản dội vào Việt Nam rất mạnh mẽ như cách mạng tư sản Pháp (1789), cuộc vận động Duy tân của Nhật Bản (1860), cách mạng Tân Hợi - Trung Quốc (1911).v.v... Từ đó, có nhiều phong trào đấu tranh diễn ra với nhiều hình thức khác nhau mang xu hướng ôn hòa hơn - Xu hướng dân chủ tư sản. Một số người Việt Nam nhận định rằng: Sức ta không thể đánh nổi Pháp mà phải cầu ngoại viện, phải sang Nhật vì lúc ấy Nhật mạnh (đánh thắng cả Nga Sa hoàng). Nó lại cùng da màu với ta. Phong trào Đông Du được hình thành trên nhận thức này. Nhưng rồi các phong trào Đông Du, Đông Kinh Nghĩa Thục, Việt Nam Quang Phục Hội, phong trào Tân thư... đều bị đàn áp đẫm máu. Nhiều người bị bắt đày đi Côn Đảo như Phan Chu Trinh, Lương Văn Can...v.v. Họ không giải thích nổi vì sao nước Pháp văn minh nêu khẩu hiệu đẹp đẽ như tự do, bác ái, bình đẳng lại ra lệnh giải tán trường Đông Kinh Nghĩa Thục. Nhưng lịch sử đã chứng minh một điều: Con đường dân chủ tư sản không phải là con đường giải phóng nhân dân ta.

Dững khi ta có thừa nhưng rõ ràng thiếu một đường lối, một phương pháp cách mạng đúng đắn. Con đường cách mạng Việt Nam đang vào lúc bế tắc. Đi đâu? Nhờ ai? Làm cách nào để cứu nước? Đó là những câu hỏi cứ xoáy sâu vào suy nghĩ của các sỹ phu yêu nước lúc bấy giờ:

*“Cha ông ta từng dậm nát tay trước cửa cuộc đời
Cửa vẫn đóng và đời im im khóa”¹*

Nguyễn Tất Thành - Hồ Chí Minh sinh ra trong hoàn cảnh đất nước lâm vào tình trạng khủng hoảng, bế tắc về đường lối. Từ đó đã thôi thúc Bác ra đi tìm đường cứu nước.

Với trái tim yêu nước đầy nhiệt huyết và hai bàn tay không sợ gian lao, Người đã lên tàu ra đi:

*“Trời từ đây chẳng xanh màu xứ sở
Xa nước rồi càng hiểu nước đau thương”².*

1.1.2 Hoàn cảnh quê hương, gia đình

1.1.2.1 Gia đình

a. Ảnh hưởng từ người cha - Cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc

Cụ Nguyễn Sinh Sắc (1862 – 1929) là cha của Hồ Chí Minh. Ông là con của ông Nguyễn Sinh Nhậm và bà Hà Thị Hy, lớn lên trong một môi trường Nho học dưới sự nuôi dạy của nhà Nho và cha vợ của mình là cụ Hoàng Xuân Đường, ông đỗ cử nhân năm 1894 và Phó bảng năm 1901.

Năm 1906, ông được triều đình bổ nhiệm chức Thừa biện bộ Lễ; năm 1909, ông Nhậm chức Tri huyện Bình Khê tỉnh Bình Định. Làm quan được ít lâu thì bị triều đình thải hồi vì một “tên cường hào” bị ông bắt giam rồi chết sau khi thả ra hai tháng. Sau đó ông đi vào miền Nam và sống một cuộc đời thanh bạch tại Làng Hòa An, Cao Lãnh, Đồng Tháp cho đến cuối đời.

Có nhiều bằng chứng cho thấy Nguyễn Sinh Sắc rất có chủ định để cho Nguyễn Tất Thành có cơ hội trải nghiệm thực tiễn cũng như luôn chú ý đến việc định hướng cho người con thứ của mình đi tìm đường cứu nước. Chủ tịch Hồ Chí Minh sinh ra trong một gia đình nhà nho yêu nước, gần gũi với nhân dân. Cha của Người là cụ phó bảng Nguyễn Sinh Sắc, cụ là người thầy đầu tiên của Nguyễn Sinh Cung³ - dạy chữ, dạy làm người và giáo dục lòng yêu nước cho con.

Trong gia đình, Nguyễn Sinh Cung là người được cha yêu thương và đặt nhiều hy vọng nhất. Trong năm năm từ chồi không ra làm quan, Nguyễn Sinh Sắc thường đến những nơi có phong trào đấu tranh chống Pháp sôi nổi và anh dũng, kết giao với những người có lòng yêu nước, có chí cứu nước, đặc biệt là lớp sĩ phu yêu nước, có tư tưởng “bài” phong kiến, chống Pháp

¹ Vũ Thị Thường (2002), *Chế Lan Viên toàn tập*, tập 1, Nxb Văn học, Hà Nội.

² Vũ Thị Thường (2002), *Chế Lan Viên toàn tập*, tập 1, Nxb Văn học, Hà Nội.

³ Trong một bài viết của Chủ tịch Hồ Chí Minh, năm 1954, Người ghi tên con nhỏ của mình là Nguyễn Sinh Côn (Bản chụp bút tích, lưu Kho Tư liệu Bảo tàng Hồ Chí Minh).

như Phan Bội Châu, Vương Thúc Quý, Đặng Thái Thân... Và điều đặc biệt, đi đến đâu ông cũng thường cho Nguyễn Sinh Cung - Nguyễn Tất Thành đi cùng. Trong những người mà ông SẮC thường gặp gỡ có ông Phan Bội Châu. Giống như nhiều nhà nho yêu nước lúc bấy giờ, Phan Bội Châu cũng day dứt trước hiện tình đất nước và số phận của dân tộc. Sau này, Hồ Chí Minh đã nhắc lại: “Nhân dân Việt Nam trong đó có ông cụ thân sinh ra tôi, lúc này tự hỏi nhau ai sẽ là người giúp mình thoát khỏi sự thống trị của Pháp. Người này nghĩ là Anh, người kia lại nghĩ là Mỹ. Tôi thấy phải đi ra nước ngoài xem cho rõ. Sau khi xem họ làm ăn ra sao, tôi sẽ trở về giúp đồng bào tôi”¹.

Việc định hướng của người cha đầu tiên thể hiện ở quyết định cho các con đến học một thầy giáo có lòng yêu nước thương dân đó là thầy Vương Thúc Quý, đặc biệt đây là sĩ phu có tư tưởng cấp tiến. Hơn nữa, “nhà thầy Quý là nơi lui tới của các sĩ phu yêu nước trong vùng. Nhiều khi Nguyễn Tất Thành được thầy sai tiếp nước cho những vị khách đặc biệt, nhờ đó cậu thiếu niên Nguyễn Tất Thành dần dần hiểu được thời cuộc và sự day dứt của các bậc cha chú trước cảnh nước mất nhà tan”². Đồng thời, Nguyễn Sinh SẮC đã tạo điều kiện cho con ông được “tham gia” vào các cuộc tiếp xúc của mình với các văn thân sĩ phu ở khắp Trung Kỳ. Sau đó, Tất Thành còn được ông cho theo ra Thái Bình trong dịp ông đi tìm gặp một số sĩ phu ở đất Bắc. Những chuyến đi đó là những cuộc trải nghiệm để Nguyễn Tất Thành định hình riêng cho mình con đường đi.

Với tư tưởng tiến bộ và chán ghét chốn quan trường, năm 1905, cụ SẮC cho hai người con trai của mình - là Nguyễn Sinh Khiêm và Nguyễn Sinh Cung xuống Vinh học trường Tiểu học Pháp - bản xứ. Đây là một quyết định được cho là khác người của cụ, bởi vào trường này là phải học chữ Pháp, trong khi cụ theo đuổi nền giáo dục truyền thống theo lối nho học (cụ đỗ Phó bảng năm 1901). Trong số các sĩ phu yêu nước thời đó, họ ghét Pháp thì ghét luôn cả thành tựu văn hoá của nó, không muốn cho con cái theo học chữ Tây, chữ Quốc ngữ. Có thể nói, quyết định trên của cụ Nguyễn Sinh SẮC một phần từ sự chán ghét chốn quan trường, chán ghét sự giả dối, đòi trụy của những ông quan triều đình Huế. Chính tại ngôi trường này, Nguyễn Tất Thành được tiếp xúc với văn hoá phương Tây và lần đầu tiên biết đến khẩu hiệu: *Tự do - Bình đẳng - Bác ái*. Sau này Người nhắc lại: “Khi tôi độ mười ba tuổi, lần đầu tiên tôi được nghe ba chữ Pháp: Tự do, bình đẳng, bác ái... Và từ thuở ấy, tôi rất muốn quen với nền văn minh Pháp, muốn tìm xem những gì ẩn đằng sau những chữ ấy”³. Ngoài thời gian học tập, Nguyễn Tất Thành thường được cha đưa đến các vùng trong tỉnh như làng Đồng Thái (quê hương của Phan Đình

¹ Hồ Chí Minh (2006), *Biên niên tiểu sử*, tập1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.41.

² *Tư liệu hồi ký*, Tài liệu lưu tại Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Tỉnh ủy Nghệ An.

³ Hồ Chí Minh (2002), *Toàn tập*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.477.

Phùng), thăm các di tích làng Lục niên, miếu thờ La Sơn phu tử Nguyễn Thiếp,... Đây là những bài học thực tế bổ ích, quan trọng, mắt thấy, tai nghe đã góp phần hình thành tư tưởng yêu nước và chí hướng cách mạng của Nguyễn Tất Thành.

Nguyễn Sinh Sắc không phản đối phong trào Đông Du nhưng cũng không ủng hộ nhiệt thành. Điều này thể hiện ở sự kiện tháng 5/1905, khi cụ Phan Bội Châu cử Nguyễn Thức Canh đến Kim Liên tìm Nguyễn Tất Thành để rủ sang Nhật nhưng không gặp được (vì lúc này cha con ông Sắc đang ở Bắc Kỳ), nhưng đến tháng 9/1905, ông Sắc đã cho con nhập học lớp dự bị của trường tiểu học Vinh với chương trình đào tạo nặng nề về tiếng Pháp. Rõ ràng chủ ý của ông lúc này là muốn cho con tiếp xúc với văn minh phương Tây mà trực tiếp là văn hoá Pháp với lý lẽ: “Muốn đánh kẻ thù phải học tiếng kẻ thù để hiểu được kẻ thù”¹. Tiếp đó, từ năm 1906 đến 1908, khi vào nhậm chức ở Huế, Nguyễn Sinh Sắc đã cho hai con cùng đi và cho con tiếp tục học ở trường tiểu học Pháp - Việt Đông Ba và Trường Quốc học Huế.

Giáo dục tư tưởng cứu nước, cứu dân và đặt niềm tin vào con mình của cụ Nguyễn Sinh Sắc đã tạo thành ý chí, nghị lực và động lực cho Nguyễn Tất Thành. Sau này, trên đường đi vào phía Nam, Nguyễn Tất Thành lên Bình Khê (Bình Định) thăm cha. Thấy con trai đến Bình Khê, cụ Nguyễn Sinh Sắc hỏi con: “- Con đến đây làm gì? - Con đến đây tìm cha. Nghe vậy, cụ Sắc trìu mến nói với con: - Nước mất không lo đi tìm, tìm cha phỏng có ích gì?”. Nguyễn Tất Thành đã từ biệt thân phụ với niềm thôi thúc: “Nước mất thì đi tìm hồn của nước”. Anh thâm nghĩ: cảm ơn cha đã sinh thành, nuôi dạy con khôn lớn và hiểu điều con đang ao ước lúc này.

Cụ Nguyễn Sinh Sắc không chỉ truyền cho Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh trí tuệ, học vấn, mà còn truyền lòng nhiệt huyết, chí khí mạnh mẽ và động lực vượt qua mọi gian nan để vươn tới sự nghiệp lớn cứu nước, cứu dân, giải phóng dân tộc. Tính cách, ý chí của người dân xứ Nghệ, lòng yêu nước, thương dân của cụ Nguyễn Sinh Sắc đã ảnh hưởng sâu sắc tới Nguyễn Tất Thành và theo suốt cuộc đời Chủ tịch Hồ Chí Minh sau này.

b. Ảnh hưởng từ người mẹ nhân từ và hiền hậu - Bà Hoàng Thị Loan

Bà Hoàng Thị Loan (1868-1901) là thân mẫu của Hồ Chí Minh. Bà là con gái của cụ Hoàng Xuân Đường. Bà sinh ra trong một gia đình Nho học. Lớn lên ở một vùng quê giàu truyền thống yêu nước với những làn điệu dân ca trữ tình, bà đã sớm có vốn sống, vốn văn học dân gian phong phú. Bà là một hình mẫu cho hình ảnh người phụ nữ Việt Nam hiền hậu và hết lòng vì chồng con.

¹ Ban nghiên cứu lịch sử Đảng Tỉnh ủy Nghệ Tĩnh (1985), *Những mẩu chuyện về thời niên thiếu của Bác Hồ*, Nxb Sự thật, Hà Nội, tr.61.